

## HOSE 24/06/2014

VNINDEX 569.74 3.83 0.68%

KLGD 67,575,649 CP  
GTGD 1,067.36 Tỷ  
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 127 CP  
CP Giảm giá 64 CP  
CP Đứng giá 113 CP



## HNX 24/6/2014

HNXINDEX 76.62 0.64 0.85%

KLGD 54,869,230 CP  
GTGD 700.94 Tỷ  
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 112 CP  
CP Giảm giá 60 CP  
CP Đứng giá 207 CP



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30 612.54 2.55 0.42%  
HNX30 153.11 1.83 1.21%

## Tâm điểm

► **Tăng điểm với sự gia tăng nhẹ của thanh khoản**

► **Thanh khoản gia tăng nhẹ là một tín hiệu tích cực**

Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 1,700 tỷ đồng

► **Xuất khẩu gạo 5 tháng đầu năm giảm mạnh**

Theo thông tin từ Hiệp Hội Lương thực Việt Nam (VFA)

Đại Đoàn Kết

► **Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tháng 6 chỉ tăng 0.3%**

Như vậy, lạm phát 6 tháng đầu năm 2014 thấp nhất trong 13 năm

VOVonline

► **Sản xuất Mỹ tăng trưởng nhanh nhất hơn 4 năm**

Theo Công ty dữ liệu tài chính Markit, tháng 6, PMI sơ bộ của Mỹ tăng lên 57.5 điểm

Reuters

► **JVC: Quyết tâm xử lý lượng hàng tồn kho hơn 570 tỷ đồng**

Theo đó, dự kiến lợi nhuận sau thuế của JVC sẽ cao gấp 3 lần với 135 tỷ đồng

Đầu tư Chứng khoán

► **DHC: Kế hoạch lợi nhuận khiêm tốn 28 tỷ đồng**

Tăng nhẹ 3.7% so với năm trước

Công Lý

## Thị trường / Ngành

### Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,000,968	13.6	3.0	20.7%	11.0%
HNX	122,764	17.2	1.5	7.5%	4.0%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,123,732</b>	<b>15.9</b>	<b>2.9</b>	<b>19.5%</b>	<b>10.3%</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	6,954	5.8	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,343	6.9	1.4	20.9%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	37,053	20.1	2.1	18.2%	7.8%
Khai khoáng	11,868	51.8	5.0	1.8%	1.2%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,246	16.6	1.4	11.8%	8.4%
Xây dựng	27,799	- 39.5	1.0	-3.6%	1.6%
Máy công nghiệp	7,699	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,878	13.6	1.3	14.4%	11.0%
Lốp xe	6,694	8.1	2.2	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,216	9.4	1.2	14.6%	6.5%
Thực phẩm	195,930	22.4	4.6	21.4%	16.6%
Dược phẩm	14,951	10.8	3.1	25.4%	16.8%
Phần mềm	16,095	9.9	2.0	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,434	- 5.4	1.1	-6.8%	3.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	205,006	17.2	5.5	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	26,879	21.8	2.2	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	24,393	13.2	1.3	8.4%	6.3%
Ngân hàng	245,538	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	129,501	11.0	2.3	27.6%	6.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,595	9.6	1.9	20.5%	8.4%

## Thống kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

**VietinBankSc**

306 Ba Triệu

Hai Bà Trưng

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**Xuất khẩu gạo 5 tháng đầu năm giảm mạnh**

**Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tháng 6 chỉ tăng 0.3%**

**Sản xuất Mỹ tăng trưởng nhanh nhất hơn 4 năm**

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**JVC: Quyết tâm xử lý lượng hàng tồn kho hơn 570 tỷ đồng**

**DHC: Kế hoạch lợi nhuận khiêm tốn 28 tỷ đồng**

**PVX: Chính phủ bảo lãnh vay cho dự án Nhiệt điện Dầu khí Thái Bình 2**

## ► Tin kinh tế

Ngày 22-6, Hiệp Hội Lương thực Việt Nam (VFA) cho biết, xuất khẩu gạo tháng 5 tháng đầu năm 2014 đạt 2.336 triệu tấn, trị giá đạt hơn 1 tỷ USD, giá xuất khẩu bình quân đạt 433 USD/tấn. So với 5 tháng đầu năm 2014, số lượng giảm 16.18%, trị giá giảm 15.68 %, giá bình quân giảm 0.72 USD/tấn. Theo đánh giá của VFA, nguyên nhân xuất khẩu giảm là do giao hàng đến hầu hết các thị trường chính đều sụt giảm, trừ Philippines tăng do có hợp đồng tập trung. Thị trường xuất khẩu của ta chủ yếu là Trung Quốc, Philippines, châu Phi và Cuba.

Tổng cục Thống kê vừa công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tháng 6 năm 2014. Theo đó, CPI tháng 6 của cả nước tăng 0.3% so với tháng 5 và tăng 4.98% so với cùng kỳ năm 2013. Tính chung 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm 2013, CPI tăng 4.77%. Đóng góp vào mức tăng chung của CPI cả nước tháng 6, đa số các nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng dưới 1% so với tháng 5 như: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống; Đồ uống và thuốc lá; May mặc, mũ nón, giày dép; Nhà ở và vật liệu xây dựng; Thiết bị và đồ dùng gia đình; Thuốc và dịch vụ y tế; Giao thông; Giáo dục; Văn hoá, giải trí và du lịch; Hàng hoá và dịch vụ khác. Trong các nhóm hàng này, tăng cao nhất là Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0.74%, còn thấp nhất là giáo dục chỉ tăng 0.01%.

Công ty dữ liệu tài chính Markit cho biết, tháng 6, chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) sơ bộ của Mỹ tăng lên 57.5 điểm, cao hơn so với dự báo 56.5 điểm của các chuyên gia kinh tế và mức 56.4 điểm của tháng trước đó. Đây cũng là mức điểm cao nhất kể từ tháng 10/2010. Số liệu này đã phần nào khẳng định rằng, kinh tế Mỹ đang trên đà phục hồi mạnh mẽ trong quý 2 sau khi suy giảm ở quý trước đó do thời tiết khắc nghiệt

## ► Tin doanh nghiệp

Tại đại hội thường niên 2014 tổ chức ngày 23/06/2014 của CTCP Thiết bị Y tế Việt Nhật (HOSE: JVC) , ĐHĐCĐ công ty đã thông qua việc xử lý lượng hàng tồn kho lên đến 450 tỷ đồng từ năm trước. Theo đó, JVC đặt kế hoạch doanh thu năm 2014 đạt 700 tỷ đồng, tăng 18% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế dự kiến cao gấp 3 lần và đạt 135 tỷ đồng. Được biết, trong năm 2013, JVC đạt doanh thu thuần 594 tỷ và lợi nhuận sau thuế 41.7 tỷ đồng, giảm lần lượt 22% và 75% so với năm 2012. Công ty cho biết nguyên nhân chủ yếu dẫn tới việc doanh thu của JVC sụt giảm mạnh là do các hợp đồng cung cấp thiết bị cho các đơn vị hành chính đều bị trì hoãn dẫn tới việc ghi nhận doanh thu không kịp triển khai.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014 của CTCP Đông Hải Bến Tre (HOSE: DHC), doanh thu thuần đặt ra là 479 tỷ đồng, tăng 55% so với năm 2013; lợi nhuận sau thuế là 28 tỷ đồng, tăng nhẹ 3.7%; tỷ lệ cổ tức dự kiến trên 12%. Cụ thể trong kế hoạch kinh doanh năm 2014 sẽ sản xuất 39 nghìn tấn giấy kraft, 13 triệu m2 bao bì carton (tương ứng 17 triệu sản phẩm). Cổ tức có thể bằng cổ phiếu hoặc tiền mặt với tỷ lệ từ 12% trở lên/vốn điều lệ. Trong năm 2014, DHC sẽ phát hành hơn 690 nghìn cổ phiếu ESOP với mức giá bằng mệnh giá 10,000 đồng/cp. Theo đó, vốn điều lệ của DHC dự kiến tăng từ 150 tỷ đồng lên 156.9 tỷ đồng. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng đầu tư bổ sung cho hệ thống xử lý bột lọc mặt công suất 50 tấn/ngày và bổ sung vào vốn lưu động công ty.

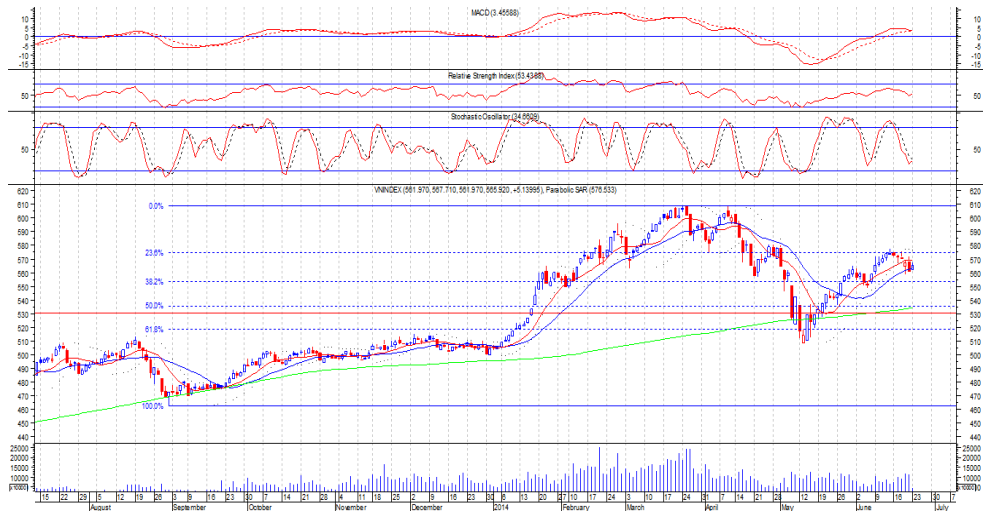
Vừa qua, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã phê duyệt nội dung các Thư bảo lãnh và giao Bộ Tài chính thay mặt Chính phủ ký các Thư bảo lãnh cho Hợp đồng vay với ngân hàng JBIC (Nhật Bản), Hợp đồng vay ngân hàng KEXIM (Hàn Quốc), Hợp đồng vay thương mại nước ngoài để thực hiện Dự án nhiệt điện Thái Bình 2. Mức phí bảo lãnh là 0.25%/năm tính trên dư nợ của khoản vay. Đây là dự án do Tổng công ty Xây lắp dầu khí (HNX: PVX) thầu thi công. Hiện dự án đã hoàn thành toàn bộ công tác giải phóng và san lấp mặt bằng, thiết kế kỹ thuật, lựa chọn tổng thầu, lập dự toán, thu xếp vốn, xây dựng nền móng...

**HOSE** 24/06/2014 VNINDEX 569.74 3.83 0.68% 67,575,649 CP 1,067.36 bil VND

### Tăng điểm với sự gia tăng nhẹ của thanh khoản

VN-Index tăng 3.82 điểm (+0.68%), đóng cửa tại mức 569.74 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân ngắn, đóng cửa ở mức cao trong phiên.

- MACD đi ngang trở lại và vẫn chưa cho tín hiệu bán ra.
- Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại, đây là một tín hiệu khá tích cực.
- MA20 tỏ ra hỗ trợ khá tốt cho TT trong những phiên vừa qua.
- RSI (14) đi ngang và duy trì ở mức 53.
- Nhịp tích lũy đi ngang tại vùng điểm 560 - 580 điểm vẫn đang được duy trì.



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.3 (2.9%)	8,858,810
HQC	0.1 (1.3%)	2,579,660
SSI	0.5 (2.0%)	2,398,270
VHG	0.3 (3.4%)	1,848,170
ITA	0 (0.0%)	1,828,790

### HOSE Top 5 theo % tăng

PAN	2.8 (7.0%)	25,150
HAX	0.5 (6.9%)	10
LGC	1.5 (6.8%)	10
ASIAGF	0.6 (6.8%)	70
VHC	2.2 (6.8%)	149,980

### HOSE Top 5 theo % giảm

PJT	-1 (-11.4%)	10,650
STG	-1.6 (-7.0%)	10
PDR	-0.8 (-6.9%)	1,250
BTT	-2.7 (-6.8%)	10
LM8	-1.1 (-5.9%)	710

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	13,6 tỷ	163,070
VCB	7,7 tỷ	294,030
DRC	6,7 tỷ	151,310
CSM	6,6 tỷ	169,540
BVH	3,6 tỷ	91,410

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

GAS	-16,2 tỷ	152,520
VIC	-7,2 tỷ	113,900
HPG	-4,0 tỷ	76,110
HVG	-3,5 tỷ	148,400
KDC	-3,1 tỷ	51,050

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	6,084,316	0.00

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Đà tăng VN-Index duy trì tốt cả phiên hôm nay, độ rộng thị trường gia tăng. Tuy vậy, VN-Index vẫn chưa thể gia tăng mạnh khi lực cầu vẫn ở mức vừa phải.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 56 triệu đơn vị. Thanh khoản vẫn ở mức khá thấp, điều này cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn đang rất thận trọng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 25 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- ▶ VN-Index hướng tới vùng kháng cự 580 điểm. Chỉ số này vẫn đang trong vùng tích lũy mà chúng tôi đã lưu ý 550 - 580 điểm.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, ưu tiên nhóm cổ phiếu cơ bản tốt. Hạn chế dùng đòn bẩy với tỷ lệ cao trong giai đoạn này.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	107.0	202,765.00	17.7	5.6	33.4%	22.6%
VNM	833.4	121.0	100,845.92	15.8	5.4	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	26.0	69,290.77	15.9	1.6	10.4%	1.0%
MSN	734.9	92.5	67,979.30	203.9	4.6	2.2%	0.7%
VIC	894.2	63.5	56,784.27	7.6	3.7	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.8	55,106.39	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	15.0	42,168.04	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	39.9	27,150.81	21.8	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	53.5	25,782.09	10.9	2.5	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.6	23,535.74	10.8	1.4	13.5%	1.3%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

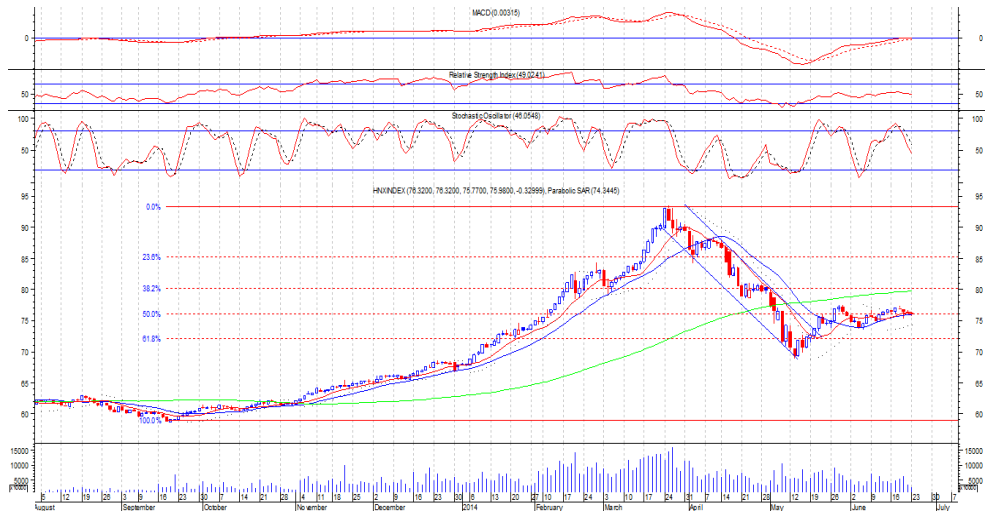
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	11.8	3,019.15	12.7	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.2	15,887.91	9.8	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.2	2,054.08	14.3	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	70.5	3,206.23	8.6	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	12.2	741.15	5.4	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.1	527.35	1.9	0.8	NA	TH.DOI

**HNX**      24/06/2014      HNX-Index      76.62      0.64      0.85%      54,869,230 CP      700.94 bil. VND

### Tăng điểm với sự gia tăng nhẹ của thanh khoản

Chỉ số HNX-Index tăng 0.64 điểm (+0.85%), đóng cửa tại mốc 76.62 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh thân ngắn, cây nến thân thể hiện sự lưỡng lự của thị trường.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm và vẫn chưa thể cho tín hiệu mua trở lại.
- MACD vẫn đang giữ đà đi ngang.
- RSI (14) đi ngang và duy trì ở mức 49.
- HNX-Index đang có xu hướng giao dịch tích lũy ở vùng Fb 50% và MA20.



### HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.4 (10.0%)	11,502,630
PVS	0.2 (0.7%)	3,959,510
KLF	0.1 (0.9%)	3,366,800
FIT	0.1 (0.7%)	2,851,450
SHB	0.1 (1.1%)	2,785,570

### HNX Top 5 theo % tăng

PVX	0.4 (10.0%)	11,502,630
SVN	0.7 (9.9%)	100
SFN	1.8 (9.7%)	100
CSC	1.6 (9.7%)	8,000
VIX	1.6 (9.7%)	301,200

### HNX Top 5 theo % giảm

HLY	-0.9 (-10.0%)	8,000
SMT	-2.3 (-10.0%)	100
LDP	-5.6 (-9.9%)	100
VBH	-1.2 (-9.8%)	500
VTL	-2.2 (-9.8%)	1,700

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	28,2 tỷ	1,038,400
SHB	7,3 tỷ	800,900
VND	7,2 tỷ	470,000
VCG	3,8 tỷ	299,200
SD5	0,4 tỷ	31,200

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVG	-0,6 tỷ	60,000
VDL	-0,3 tỷ	10,000
HPC	-0,2 tỷ	42,000
PVX	-0,1 tỷ	34,000
KHL	-0,1 tỷ	18,800

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	2,913,200	0.00

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Đà tăng HNX-Index duy trì tốt cả phiên hôm nay, độ rộng thị trường gia tăng. Tuy vậy, HNX-Index vẫn chưa thể gia tăng mạnh khi lực cầu vẫn ở mức vừa phải.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 42 triệu đơn vị. Thanh khoản vẫn ở mức khá thấp, điều này cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn đang rất thận trọng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 47 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- ▶ Chúng tôi cho rằng HNX-Index vẫn đang nhịp tích lũy vùng 74 - 76 điểm. Nếu thanh khoản tiếp tục duy trì tốt thì kỳ vọng HNX-Index bứt phá vùng này sẽ lớn dần.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, ưu tiên nhóm cổ phiếu cơ bản tốt. Hạn chế dùng đòn bẩy với tỷ lệ cao trong giai đoạn này.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.4	14,010.62	18.4	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	27.5	12,284.26	8.0	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	77.8	8,558.00	264.0	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.1	8,063.36	9.9	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	12.9	5,698.07	12.3	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.6	5,120.00	36.1	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	19.5	4,395.58	15.6	0.7	4.6%	2.1%
VNR	100.8	29.5	2,974.42	8.0	1.2	14.5%	7.0%
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	23.8%	16.0%
LAS	77.8	35.6	2,770.82	6.2	1.9	33.5%	17.5%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.6	1,086.80	7.0	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	17.8	352.44	6.7	0.6	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.5	1,502.52	10.5	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	17.8	890.00	10.2	1.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	37.5	295.31	6.0	1.4	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	15.35%	92.5	203.91	4.57	154,820	170,175	168,990
VIC	HOSE	894.2	56,784.27	14.46%	63.5	7.64	3.65	275,460	225,284	451,752
HPG	HOSE	481.9	25,782.09	11.74%	53.5	10.89	2.50	755,823	554,008	704,614
PVD	HOSE	275.3	23,121.68	8.68%	84.0	10.66	2.21	423,144	332,862	398,093
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	8.01%	32.4	6.50	1.41	1,137,179	1,071,113	1,486,315
HAG	HOSE	718.2	17,163.90	7.98%	23.9	14.02	1.29	2,567,243	2,256,956	3,035,899
VCB	HOSE	2,665.0	69,290.77	6.11%	26.0	15.85	1.59	720,334	540,511	699,727
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	4.13%	20.6	10.75	1.42	4,718,834	3,430,247	1,596,378
BVH	HOSE	680.5	27,150.81	3.08%	39.9	21.81	2.15	237,692	262,502	420,534
ITA	HOSE	718.0	5,744.05	2.71%	8.0	101.18	0.74	5,118,756	4,779,363	7,132,426
HSG	HOSE	96.3	4,334.09	2.68%	45.0	10.87	1.92	112,836	95,256	172,196
GMD	HOSE	114.4	3,707.26	2.26%	32.4	119.45	0.81	190,524	284,786	296,850
PPC	HOSE	318.2	6,394.91	2.03%	20.1	7.04	1.14	227,322	286,278	533,743
VSH	HOSE	206.2	3,320.48	1.74%	16.1	15.36	1.23	180,736	251,999	502,638
CSM	HOSE	67.3	2,631.12	1.64%	39.1	7.06	2.02	332,808	305,163	394,255
KBC	HOSE	389.8	4,248.39	1.48%	10.9	24.80	0.84	1,081,570	908,096	947,075
DRC	HOSE	83.1	3,754.94	1.33%	45.2	9.50	2.48	122,432	131,605	245,397
PVT	HOSE	255.9	3,019.15	1.18%	11.8	12.71	1.07	1,325,158	916,828	888,959
DIG	HOSE	143.0	2,230.73	1.01%	15.6	40.84	0.92	191,061	204,982	400,351
OGC	HOSE	300.0	3,150.00	0.91%	10.5	45.47	0.96	1,387,928	1,268,570	2,284,516
PET	HOSE	69.8	1,110.49	0.87%	15.9	7.36	0.88	1,093,943	742,518	604,775

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,284.26	5.37%	27.5	8.02	1.43	1,576,942	1,470,950	2,164,209
VIC	HOSE	894.2	56,784.27	8.00%	63.5	7.64	3.65	275,460	225,284	451,752
VCB	HOSE	2,665.0	69,290.77	7.00%	26.0	15.85	1.59	720,334	540,511	699,727
BVH	HOSE	680.5	27,150.81	6.50%	39.9	21.81	2.15	237,692	262,502	420,534
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	5.79%	32.4	6.50	1.41	1,137,179	1,071,113	1,486,315
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	4.26%	20.6	10.75	1.42	4,718,834	3,430,247	1,596,378
PVD	HOSE	275.3	23,121.68	3.22%	84.0	10.66	2.21	423,144	332,862	398,093
ITA	HOSE	718.0	5,744.05	3.73%	8.0	101.18	0.74	5,118,756	4,779,363	7,132,426
SHB	HNX	886.1	8,063.36	2.86%	9.1	9.87	0.75	4,188,837	4,547,811	6,767,498
PPC	HOSE	318.2	6,394.91	1.58%	20.1	7.04	1.14	227,322	286,278	533,743
OGC	HOSE	300.0	3,150.00	2.33%	10.5	45.47	0.96	1,387,928	1,268,570	2,284,516
GMD	HOSE	114.4	3,707.26	1.62%	32.4	119.45	0.81	190,524	284,786	296,850
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	8.00%	92.5	203.91	4.57	154,820	170,175	168,990
HAG	HOSE	718.2	17,163.90	2.83%	23.9	14.02	1.29	2,567,243	2,256,956	3,035,899
DRC	HOSE	83.1	3,754.94	1.28%	45.2	9.50	2.48	122,432	131,605	245,397
VCG	HNX	441.7	5,698.07	3.58%	12.9	12.28	0.99	1,372,471	1,722,810	2,004,033
PVT	HOSE	255.9	3,019.15	2.05%	11.8	12.71	1.07	1,325,158	916,828	888,959

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	56,784.27	0.00%	63.5	7.64	3.65	275,460	225,284	451,752
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	0.00%	92.5	203.91	4.57	154,820	170,175	168,990
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	0.00%	32.4	6.50	1.41	1,137,179	1,071,113	1,486,315
HAG	HOSE	718.2	17,163.90	0.00%	23.9	14.02	1.29	2,567,243	2,256,956	3,035,899
VCB	HOSE	2,665.0	69,290.77	0.00%	26.0	15.85	1.59	720,334	540,511	699,727
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	0.00%	20.6	10.75	1.42	4,718,834	3,430,247	1,596,378
BVH	HOSE	680.5	27,150.81	0.00%	39.9	21.81	2.15	237,692	262,502	420,534
CTG	HOSE	3,723.4	55,106.39	0.00%	14.8	8.64	0.99	238,565	245,632	539,540
GAS	HOSE	1,895.0	202,765.00	0.00%	107.0	17.69	5.61	326,451	386,256	447,368

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	0.81%	92.5	203.91	4.57	154,820	170,175	168,990
VIC	HOSE	894.2	56,784.27	0.55%	63.5	7.64	3.65	275,460	225,284	451,752
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	0.26%	32.4	6.50	1.41	1,137,179	1,071,113	1,486,315
VCB	HOSE	2,665.0	69,290.77	0.20%	26.0	15.85	1.59	720,334	540,511	699,727
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	0.14%	20.6	10.75	1.42	4,718,834	3,430,247	1,596,378
BVH	HOSE	680.5	27,150.81	0.10%	39.9	21.81	2.15	237,692	262,502	420,534

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,954	5.8	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,343	6.9	1.4	20.9%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,665	21.5	0.7	3.0%	1.9%
Sản xuất giấy	763	7.8	0.7	10.6%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,053	20.1	2.1	18.2%	7.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,598	4.0	0.7	18.4%	3.9%
Khai khoáng	11,868	51.8	5.0	1.8%	1.2%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,246	16.6	1.4	11.8%	8.4%
Xây dựng	27,799	- 39.5	1.0	-3.6%	1.6%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,035	7.0	1.1	17.3%	9.1%
Công nghiệp phức hợp	719	3.6	0.8	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,731	9.8	1.0	7.5%	3.7%
Thiết bị điện	1,641	- 17.4	0.7	-0.6%	-1.3%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,699	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,080	- 1.5	0.8	2.2%	-0.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,878	13.6	1.3	14.4%	11.0%
Dịch vụ vận tải	5,824	8.6	1.5	18.2%	11.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,055	10.5	1.3	12.9%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	198	9.4	0.6	8.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	181	8.4	0.9	10.8%	4.9%
Chất thải & Môi trường	152	2.3	0.7	34.5%	17.0%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,698	9.6	1.2	13.0%	7.5%
Lốp xe	6,694	8.1	2.2	29.1%	12.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,713	6.6	1.1	15.8%	8.5%
Vang & Rượu mạnh	356	13.2	2.2	18.5%	11.3%
Đồ uống & giải khát	251	7.2	1.3	14.3%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,216	9.4	1.2	14.6%	6.5%
Thực phẩm	195,930	22.4	4.6	21.4%	16.6%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	49	39.0	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,084	8.0	0.9	12.6%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	138	7.7	1.3	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,101	8.6	1.5	17.8%	7.0%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,808	8.7	1.7	16.7%	8.9%
Thuốc lá					
Thuốc lá	687	- 8.2	1.0	0.8%	4.4%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		830	14.9	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		135	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		177	8.4	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		14,951	10.8	3.1	25.4%	16.8%
<b>Bán lẻ</b>						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		768	13.7	1.2	13.0%	8.5%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,055	8.3	1.3	14.7%	3.2%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,024	8.2	0.9	12.3%	8.1%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		193	8.5	3.6	52.7%	27.1%
Khách sạn		5,676	35.5	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí		2,130	26.8	1.4	15.4%	13.0%
Vận tải hành khách & Du lịch		1,177	10.4	2.0	16.0%	14.2%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		63	14.8	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		507	20.1	0.6	3.1%	1.2%
Internet		289	61.0	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm		16,095	9.9	2.0	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		420	15.1	0.7	4.0%	1.6%
Thiết bị văn phòng		261	5.1	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		2,036	13.7	0.7	5.1%	3.7%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		21,434	-	5.4	1.1	-6.8%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		205,006	17.2	5.5	32.9%	22.1%
Nước		1,189	6.4	1.0	16.8%	11.2%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,164	5.2	0.8	15.1%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,414	12.1	0.7	5.8%	2.6%
Tái bảo hiểm		2,843	8.0	1.2	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		26,879	21.8	2.2	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,090	45.5	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		24,393	13.2	1.3	8.4%	6.3%
Ngân hàng						
Ngân hàng		245,538	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		129,501	11.0	2.3	27.6%	6.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		9	16.0	0.8	5.5%	2.5%
<b>Dầu khí</b>						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		36,595	9.6	1.9	20.5%	8.4%



- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.